

Bản án số: 670/2022/DSST
Ngày: 11/3/2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/3/2022, tại phòng xử án dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 431/2019/TLST-DS ngày 17/12/2019, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6439/2021/QĐXXST-DS ngày 24/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 388/2022/QĐ-HPT ngày 21/01/2022 và số 752/2022/QĐ-HPT ngày 18/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số X đường Y, phường A, quận Z, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh Bảo D và ông Huỳnh Ngọc B (theo Giấy ủy quyền lập ngày 15/08/2019).

Địa chỉ liên lạc: số X đường Y, Phường Z, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty C.

Trụ sở: số X đường Y, Khu phố Z, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H – Giám đốc. Nơi cư trú: số X Khu phố A, phường T, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY

Công bố lý do đương sự vắng mặt:

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Minh Bảo D và ông Huỳnh Ngọc B có văn bản ngày 11/3/2022 đề nghị xét vắng mặt họ và được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là Công ty C (và Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Mạnh H) đã được Tòa án thông báo việc thu lý vụ án, thông báo tham gia các phiên hòa giải, và thông báo các phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Cả nguyên đơn và bị đơn trong vụ án vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/08/2019, nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày: Năm 2008 do có mối quan hệ quen biết và được giới thiệu, ông Đ đã góp vốn vào Dự án du lịch sinh thái suối khoáng nóng K của Công ty C (gọi tắt Công ty K) theo Biên bản góp vốn lập ngày 15/10/2008, với số tiền góp là 5.000.000.000 đồng.

Thực hiện thỏa thuận giao dịch dân sự này, ngày 16/10/2008 và ngày 17/10/2008 ông Đ đã chuyển khoản bằng ủy nhiệm chi cho Công ty K số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản 13510000137520 tại Ngân hàng D (chi nhánh C). Từ khi lập Biên bản góp vốn ngày 15/10/2008 đến nay, Công ty K không triển khai thực hiện Dự án du lịch sinh thái suối khoáng nóng K như thỏa thuận, số tiền góp vốn của ông Đ là 2.000.000.000 đồng không được công ty sử dụng vào mục đích xây dựng dự án.

Tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 03/9/2020, nguyên đơn ông Phan Văn Đ xác định yêu cầu đòi lại tài sản, buộc Công ty K phải có trách nhiệm trả lại cho ông Đ số tài sản là khoản tiền 2.000.000.000 đồng đã chuyển khoản góp vốn. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Kiểm tra việc giải quyết vụ án dân sự đã được thụ lý lại số 431/2019/TLST-DS ngày 17/12/2019, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án ngày 17/12/2019, đến ngày 24/12/2021 Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Phiên tòa thủ tục tố tụng và xét xử công khai tuân thủ đúng luật định. Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do xét xử vắng mặt đương sự, công bố ý kiến, lời khai của đương sự tại phiên tòa.

Về các yêu cầu của đương sự: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ có tại hồ sơ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty C có trách

nhiệm trả lại tài sản cho ông Phan Văn Đ là số tiền 2.000.000.000 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của luật.

XÉT THẤY

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện:

Vụ kiện tranh chấp giao dịch dân sự về việc góp vốn giữa các chủ thể có một bên đăng ký kinh doanh là tranh chấp dân sự. Quá trình thực hiện giao dịch dân sự góp vốn, các bên không ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh cụ thể, mục đích và đối tượng là Dự án du lịch sinh thái suối khoáng nóng K thực tế không có thực hiện. Theo đó, các bên không thực hiện nội dung thỏa thuận tại Biên bản góp vốn lập ngày 15/10/2008 và thời hiệu khởi kiện đối với biên bản này đã hết. Ông Phan Văn Đ tranh chấp đối với Công ty K về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản, đòi lại tài sản là số tiền 2.000.000.000 đồng khi Công ty K không thực hiện cam kết (không thực hiện được dự án) theo quy định tại khoản 1 Điều 166 và Điều 274, Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015 nên thuộc trường hợp không xác định thời hiệu khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Trụ sở hoạt động kinh doanh của Công ty K hiện đang tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 3, điều 26; khoản 1, điều 35; điểm a khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Phạm vi giải quyết vụ án:* Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án, xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi các yêu cầu của nguyên đơn.

Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ của đương sự đã giao nộp là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 6, điều 91, 92, 95, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty K phải có trách nhiệm trả lại cho ông Đ số tài sản là khoản tiền 2.000.000.000 đồng đã chuyển khoản góp vốn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo kết quả xác minh của Tòa án thể hiện: Chủ sở hữu tài khoản số 1300206065955 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi

nhánh Thăng Long) là của ông Phan Văn Đ; Chủ sở hữu tài khoản số 13510000137520 tại Ngân hàng D (chi nhánh C) là của Công ty C.

- Xét các chứng cứ gồm: Ủy nhiệm chi lập ngày 16/10/2008 và ngày 17/10/2008 của ông Phan Văn Đ và Lệnh thanh toán số 1300OTT081145205 lập ngày 16/10/2008 và số 1300OTT081145900 ngày 17/10/2008 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Thăng Long, thì số tiền 2.000.000.000 đồng được chuyển khoản vào tài khoản số 13510000137520 tại Ngân hàng D (chi nhánh C) là của Công ty C là xác thực, phù hợp với Sổ phụ (Statement) thanh toán của ông Phan Văn Đ tại Agribank Thăng Long.

- Dự án du lịch sinh thái suối khoáng nóng K thực tế không có thực hiện, Công ty K không sử dụng số tiền 2.000.000.000 đồng vào việc xây dựng dự án, Công ty K không thực hiện đúng cam kết là bên vi phạm thỏa thuận nên việc ông Phan Văn Đ yêu cầu đòi lại tài sản là số tiền 2.000.000.000 đồng đã chuyển khoản là có căn cứ chấp nhận.

- Ông Phan Văn Đ không có yêu cầu về lãi phát sinh trên số tiền gốc là quyền định đoạt của đương sự nên xét ghi nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty C có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 2.000.000.000 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên: Ghi nhận và rút kinh nghiệm ý kiến của Kiểm sát viên về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty C có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 2.000.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông Phan Văn Đ được Tòa án chấp nhận.

Trả lại cho ông Phan Văn Đ toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 95, 96 và Điều 210; khoản 1 Điều 207; Điều 227, 228; Điều 238; Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 274, và Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9; Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty C có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực thi hành.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại cho ông Phan Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0027137 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp đơn kháng cáo của đương sự được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP. HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Chí Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**